

**CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN JACT VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN JACT VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: JACT VIET NAM ELECTRIC ENGINEERING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: JACT CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108851856

**3. Ngày thành lập:** 02/08/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 58 Ngõ 20 Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                                                                                                                | 2610        |
| 2.  | Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học                                                                                                                                                                                                                                    | 2670        |
| 3.  | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất máy chuyển đổi phụ, phân phối năng lượng điện;<br>- Sản xuất máy điều chỉnh truyền và phân phối điện;<br>- Sản xuất bảng điều khiển, phân phối năng lượng điện; | 2710        |
| 4.  | Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học                                                                                                                                                                                                                                       | 2731        |
| 5.  | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất thiết bị nối và dẫn;<br>- Sản xuất cực chuyển giao và mạch nối phần cứng;                                                                                                                               | 2732        |
| 6.  | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                                                                                                                                                                                   | 2733        |
| 7.  | Sản xuất thiết bị điện khác<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất máy cung cấp năng lượng liên tục (UPS);<br>- Sản xuất dây dụng cụ, dây phụ trợ và các bộ dây điện khác với dây và kết nối cách điện;<br>- Sản xuất tụ điện, điện trở, và các thiết bị tương tự, máy gia tốc;       | 2790(Chính) |
| 8.  | Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác                                                                                                                                                                                                                                | 2813        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2812 |
| 10. | Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2814 |
| 11. | Sản xuất máy thông dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2819 |
| 12. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 3320 |
| 13. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4321 |
| 14. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4322 |
| 15. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4329 |
| 16. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- - Đại lý bán hàng hóa<br>- (Trừ đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4610 |
| 17. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4649 |
| 18. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4651 |
| 19. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn thiết bị bán dẫn;<br>- Bán buôn mạch tích hợp và mạch vi xử lý;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4652 |
| 20. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động;<br>- Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp;<br>- Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế;<br>- Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác;<br>- Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; | 4659 |
| 21. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- - Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4741 |
| 22. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 6201 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 23. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ chỉnh lý tài liệu; dịch vụ số hóa tài liệu lưu trữ, dịch vụ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ lưu trữ (Không bao gồm hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê) | 6311 |
| 24. | Cổng thông tin<br>(Trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                   | 6312 |
| 25. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Thiết kế máy móc và thiết bị;<br>- Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng.                                                                 | 7110 |
| 26. | Quảng cáo<br>(Trừ các loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                    | 7310 |
| 27. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- - Tư vấn chuyển giao công nghệ                                                                                                                                    | 7490 |
| 28. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                  | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

### **7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: PHẠM THỊ KIM KHANH

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 03/07/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 017164953

Ngày cấp: 27/02/2014

Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ngõ Quan, Đội 3, Thôn Thượng Cung, Xã Tiền Phong, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Ngõ Quan, Đội 3, Thôn Thượng Cung, Xã Tiền Phong, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### **8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: PHẠM THỊ KIM KHANH

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 03/07/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 017164953

Ngày cấp: 27/02/2014

Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Ngõ Quan, Đội 3, Thôn Thượng Cung, Xã Tiên Phong, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Ngõ Quan, Đội 3, Thôn Thượng Cung, Xã Tiên Phong, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội